

001/00

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI**  
**VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 - 47

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các giấy phép đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 1 ngày 02 tháng 7 năm 2009 về việc thay đổi địa chỉ công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 ngày 31 tháng 7 năm 2009 và lần thứ 3 ngày 17 tháng 8 năm 2009 về việc bổ sung chi tiết vốn bằng tài sản trong vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 ngày 24 tháng 9 năm 2009 về việc thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thành viên góp vốn.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 ngày 07 tháng 10 năm 2010 về việc bổ sung thành viên góp vốn.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 6 ngày 19 tháng 9 năm 2011 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 7 ngày 13 tháng 4 năm 2012 về việc sát nhập Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An, thay đổi vốn điều lệ, thay đổi danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 05 tháng 12 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 043 987 7515
- Fax : 043 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
  - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
  - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
  - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến;
  - Hoạt động của trạm hải đăng;



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
  - Vận tải hành khách đường bộ khác;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
  - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
  - Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
  - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
    - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
    - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
    - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
  - Bốc xếp hàng hóa
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
    - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;
    - Giao nhận hàng hóa;
    - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
    - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
    - Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
    - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
    - Dịch vụ đại lý tàu biển;
    - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
  - Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
  - Xây dựng các công trình công ích, Chi tiết:
    - Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông;
    - Các đường ống với khoảng cách dài mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông ở thành phố;
    - Các công trình phụ thuộc của thành phố;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết:
    - Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; Đập và đê;
    - Xây dựng đường hầm;
    - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;
  - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
  - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác, Chi tiết:
    - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
    - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
    - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
  - Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
  - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
  - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
  - Hoạt động còn lại của hoạt động kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2011
Ông Tạ Mạnh Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2011
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 11 năm 2013
Ông Lê Duy Hiệp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2011
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2011
Ông Phùng Văn Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2011

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 11 năm 2013
Ông Phùng Đình Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 11 năm 2013

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 10 năm 2014
Ông Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 10 năm 2014

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Tạ Mạnh Cường (bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Tạ Mạnh Cường**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 378/2016/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 08 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Phạm Quang Huy**

**Phó Giám đốc**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1*

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>278.616.056.226</b>	<b>254.326.853.278</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>169.531.855.047</b>	<b>149.754.819.697</b>
1. Tiền	111		27.495.062.200	34.158.984.081
2. Các khoản tương đương tiền	112		142.036.792.847	115.595.835.616
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>90.118.154.979</b>	<b>75.021.485.398</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	75.922.372.099	62.327.916.098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.698.538.072	1.674.670.341
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	2.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	11.662.078.420	9.183.732.571
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.651.243.911</b>	<b>10.282.989.087</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	12.651.243.911	10.282.989.087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.314.802.289</b>	<b>19.267.559.096</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.004.437.001	816.250.020
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.307.209.888	18.448.153.676
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3.155.400	3.155.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>617.054.363.690</b>	<b>623.983.999.397</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.849.858.123</b>	<b>1.836.908.123</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.849.858.123	1.836.908.123
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>562.828.615.319</b>	<b>585.167.342.985</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	559.639.316.564	581.907.401.154
<i>Nguyên giá</i>	222		785.198.481.037	771.093.778.489
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(225.559.164.473)	(189.186.377.335)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.189.298.755	3.259.941.831
<i>Nguyên giá</i>	228		4.945.015.236	4.945.015.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.755.716.481)	(1.685.073.405)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.718.844.707</b>	<b>17.502.407.891</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	7.718.844.707	17.502.407.891
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>28.805.386.500</b>	<b>10.000.866.500</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		28.804.520.000	10.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.851.659.041</b>	<b>9.476.473.898</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	15.851.659.041	9.476.473.898
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>895.670.419.916</b>	<b>878.310.852.675</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>351.593.548.787</b>	<b>370.686.683.742</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>143.143.777.888</b>	<b>137.753.043.896</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	42.135.070.606	33.899.264.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	582.364.888	383.606.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	11.604.773.760	13.968.755.751
4. Phải trả người lao động	314		1.712.304.053	5.126.436.134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.220.011.634	386.506.838
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	18.352.928.385	24.494.315.863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	47.389.992.915	48.372.200.394
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	18.146.331.647	11.121.957.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>208.449.770.899</b>	<b>232.933.639.846</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	90.604.520.000	90.604.520.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	117.845.250.899	142.329.119.846
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>544.076.871.129</b>	<b>507.624.168.933</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>544.076.871.129</b>	<b>507.624.168.933</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231.962.320.000	231.962.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231.962.320.000	231.962.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.788.380.922	58.788.380.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.571.030.000)	(2.571.030.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		131.730.070.809	82.722.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.167.129.398	136.722.427.202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53.340.298.202	19.239.458.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.826.831.196	117.482.968.216
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>895.670.419.916</b>	<b>878.310.852.675</b>

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	194.587.968.956	189.189.759.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.587.968.956	189.189.759.914
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	112.384.550.280	102.527.299.511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.203.418.676	86.662.460.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.923.851.216	7.353.556.234
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.328.029.749	5.509.557.862
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.904.323.735	2.672.335.916
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.208.530.639	9.239.583.662
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.590.709.504	79.266.875.113
11. Thu nhập khác	31	VI.6	9.178.441	89.987.792
12. Chi phí khác	32	VI.7	37.179.592	3.507.909.416
13. Lợi nhuận khác	40		(28.001.151)	(3.417.921.624)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.562.708.353	75.848.953.489
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	7.735.877.157	5.817.988.398
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>70.826.831.196</u>	<u>70.030.965.091</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Hào

Phạm Thị Hồng Nhung

Tạ Mạnh Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		78.562.708.353	75.848.953.489
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		36.658.507.780	29.744.013.328
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	-	488.716.084
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(844.874.890)	2.112.803.156
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.606.252.591)	(3.232.744.087)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.904.323.735	2.837.221.946
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		110.674.412.387	107.798.963.916
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.002.096.298)	(4.743.911.085)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.368.254.824)	2.728.091.880
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.206.113.630	22.247.250.408
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.563.372.124)	(8.923.317.920)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.489.790.019)	(2.830.651.903)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(15.665.009.824)	(2.200.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(4.410.626.000)	(1.815.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>84.381.376.928</b>	<b>112.261.425.296</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.558.856.671)	(1.514.551.468)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		31.818.182	1.681.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(18.804.520.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.196.610.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.604.379.035	2.021.515.425
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.727.179.454)</b>	<b>5.385.392.139</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(23.986.296.977)	(39.546.265.421)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.856.669.000)	(23.441.869.000)		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(46.842.965.977)</i>	<i>(62.988.134.421)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		19.811.231.497	54.658.683.014		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	149.754.819.697	70.148.304.209		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(34.196.147)	204.258.911		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	169.531.855.047	125.011.246.134		

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An <sup>(i)</sup>	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	69,13%	57,75%

- <sup>(i)</sup> Công ty nắm giữ 50,5% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và 7,25% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (là công ty liên kết của Công ty TNHH Cảng Hải An).

##### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ Phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh tại Bà Rịa - Vũng Tàu, địa chỉ tại khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 39 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 27 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí lên đà tàu và chi phí sửa chữa thiết bị. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí lên đà tàu*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

#### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **14. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

### **22. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	307.171.914	129.482.990
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.187.890.286	34.029.501.091
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	142.036.792.847	115.595.835.616
<b>Cộng</b>	<b><u>169.531.855.047</u></b>	<b><u>149.754.819.697</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>28.804.520.000</b>		<b>10.000.000.000</b>	
Công ty TNHH Cảng Hải An <sup>(i)</sup>	10.000.000.000		10.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An <sup>(ii)</sup>	18.804.520.000			
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>866.500</b>		<b>866.500</b>	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	
<b>Cộng</b>	<b><u>28.805.386.500</u></b>		<b><u>10.000.866.500</u></b>	



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 10.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 18.804.520.000 VND, chiếm tỷ lệ 69,13%, số tiền còn phải góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là 82.195.480.000 VND.

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Cảng Hải An (Cảng Hải An)</b>		
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho Cảng Hải An	27.281.804.072	11.862.535.820
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1.955.650.163	2.518.045.532
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác tàu	12.761.875.651	8.073.918.413
Trả hộ Cảng Hải An chi phí lương, khác		58.000.000
Phải thu về lợi nhuận được chia từ Cảng Hải An	1.955.650.163	2.460.014.848
<b>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (Vận tải Container Hải An)</b>		
Thu tiền lãi cho vay từ Vận tải Container Hải An	8.800.000	
Thu hồi gốc vay từ Vận tải Container Hải An	2.000.000.000	
Chuyển tiền góp vốn cho Vận tải Container Hải An	18.804.520.000	
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>17.975.847.919</b>	<b>2.475.190.356</b>
Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon)	1.390.200.000	584.400.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội (trước đây là Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon tại Hà Nội)	4.300.000	197.495.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	227.400.000	158.700.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng		14.600.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	61.274.563	142.358.413
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	439.901.550	1.141.878.593
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		235.758.350

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	15.758.771.806	
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	35.000.000	
Công ty Cổ phần Hải Minh	59.000.000	
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>57.946.524.180</b>	<b>59.852.725.742</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	10.424.415.481	9.377.071.190
Pendulum Express Lines Pte Ltd	4.412.612.907	5.761.835.539
Các khách hàng khác	43.109.495.792	44.713.819.013
<b>Cộng</b>	<b>75.922.372.099</b>	<b>62.327.916.098</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>2.698.538.072</b>	<b>1.674.670.341</b>
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ		1.364.220.000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel chi nhánh Hải Phòng	778.224.000	
Man Diesel and Turbo Singapore Pte Ltd	1.601.693.481	
Các nhà cung cấp khác	79.398.083	71.227.833
<b>Cộng</b>	<b>2.698.538.072</b>	<b>1.674.670.341</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		<b>2.000.000.000</b>
Cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An vay		2.000.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		
<b>Cộng</b>		<b>2.000.000.000</b>

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>9.698.116.013</b>		<b>7.742.465.850</b>	
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận	9.698.116.013		7.742.465.850	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.963.998.252</b>		<b>1.441.266.721</b>	
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn	1.349.583.100		1.142.993.034	
Tiền lãi dự thu	226.480.306		189.435.354	
Ký cược, ký quỹ	108.970.005		102.705.000	
Tạm ứng	123.382.909			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	155.581.932		6.133.333	
<b>Cộng</b>	<b>11.662.114.265</b>		<b>9.183.732.571</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ký cược, ký quỹ	1.849.858.123		1.836.908.123	
<b>Cộng</b>	<b>1.849.858.123</b>		<b>1.836.908.123</b>	

**7. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65.089.486		3 năm	65.089.486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99.744.126		3 năm	99.744.126	
<b>Cộng</b>		<b>164.833.612</b>			<b>164.833.612</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	164.833.612	115.383.528
Trích lập dự phòng bổ sung		488.716.084
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>164.833.612</b>	<b>604.099.612</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.598.062.091		10.282.989.087	
Công cụ, dụng cụ	53.181.820			
<b>Cộng</b>	<b>12.651.243.911</b>		<b>10.282.989.087</b>	

**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	865.664.676	794.857.901
Công cụ dụng cụ	138.772.325	21.392.119
<b>Cộng</b>	<b>1.004.437.001</b>	<b>816.250.020</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa thiết bị	2.230.723.162	2.501.849.850
Chi phí lên đà tàu	13.597.538.157	6.940.067.232
Công cụ dụng cụ	23.397.722	34.556.816
<b>Cộng</b>	<b><u>15.851.659.041</u></b>	<b><u>9.476.473.898</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	199.026.384.869	254.996.349.118	316.995.908.138	75.136.364	771.093.778.489
Mua sắm mới		14.342.419.855			14.342.419.855
Thanh lý, nhượng bán			(237.717.307)		(237.717.307)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>199.026.384.869</u></b>	<b><u>269.338.768.973</u></b>	<b><u>316.758.190.831</u></b>	<b><u>75.136.364</u></b>	<b><u>785.198.481.037</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	457.605.455	679.699.675		33.500.000	1.170.805.130
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	67.985.169.866	91.252.831.603	29.902.153.640	46.222.226	189.186.377.335
Khấu hao trong kỳ	6.431.864.646	14.126.737.602	16.022.323.060	6.939.396	36.587.864.704
Thanh lý, nhượng bán			(215.077.566)		(215.077.566)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>74.417.034.512</u></b>	<b><u>105.379.569.205</u></b>	<b><u>45.709.399.134</u></b>	<b><u>53.161.622</u></b>	<b><u>225.559.164.473</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	131.041.215.003	163.743.517.515	287.093.754.498	28.914.138	581.907.401.154
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>124.609.350.357</u></b>	<b><u>163.959.199.768</u></b>	<b><u>271.048.791.697</u></b>	<b><u>21.974.742</u></b>	<b><u>559.639.316.564</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 515.963.890.435 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng

**11. Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất có thời hạn

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	4.945.015.236	1.685.073.405	3.259.941.831
Tăng trong kỳ		70.643.076	
Giảm trong kỳ			(70.643.076)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>4.945.015.236</u></b>	<b><u>1.755.716.481</u></b>	<b><u>3.189.298.755</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển	
				sang chi phí chờ phân bổ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	14.342.419.855	5.691.051.787	(14.342.419.855)		5.691.051.787
Xây dựng cơ bản dở dang	409.090.909				409.090.909
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.750.897.127	10.153.856.822		(11.286.051.938)	1.618.702.011
<b>Cộng</b>	<b>17.502.407.891</b>	<b>15.844.908.609</b>	<b>(14.342.419.855)</b>	<b>(11.286.051.938)</b>	<b>7.718.844.707</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>4.067.941.855</b>	<b>422.949.905</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	820.670.720	227.554.205
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	499.612.200	163.935.700
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		29.700.000
Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon)	15.035.000	1.760.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2.732.623.935	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>38.067.128.751</b>	<b>33.476.314.764</b>
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	9.245.964.184	8.357.137.092
South Horizons International Petroleum(S)Pte Ltd	11.791.394.381	7.634.737.981
Các nhà cung cấp khác	17.029.770.186	17.484.439.691
<b>Cộng</b>	<b>42.135.070.606</b>	<b>33.899.264.669</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		<b>26.900.000</b>
Công ty Cổ phần Hải Minh		26.900.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>582.364.888</b>	<b>356.706.600</b>
Công ty TNHH T29		93.417.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn		77.300.000
A.P.Moller-Maersk A/S	447.236.988	
Các khách hàng khác	135.127.900	185.989.600
<b>Cộng</b>	<b>582.364.888</b>	<b>383.606.600</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế xuất, nhập khẩu		3.155.400				3.155.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.022.241.790		12.299.900.410	(15.665.009.824)	9.657.132.376	
Thuế thu nhập cá nhân	825.720.934		2.242.973.810	(1.121.053.360)	1.947.641.384	
Tiền thuế đất	120.793.027		139.399.237	(260.192.264)		
Các loại thuế khác			5.000.000	(5.000.000)		
<b>Cộng</b>	<b>13.968.755.751</b>	<b>3.155.400</b>	<b>14.687.273.457</b>	<b>(17.051.255.448)</b>	<b>11.604.773.760</b>	<b>3.155.400</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.562.708.353	75.848.953.489
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(1.204.696.788)	959.403.932
- Các khoản điều chỉnh giảm	750.953.375	3.787.633.217
	(1.955.650.163)	(2.828.229.285)
Thu nhập chịu thuế	77.358.011.565	76.808.357.421
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập tính thuế	77.358.011.565	76.808.357.421
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng	52.523.287.932	65.175.589.613
- Hoạt động khai thác tàu	24.834.723.633	11.632.767.808
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>15.471.602.313</b>	<b>16.897.838.633</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(5.252.328.793)</b>	<b>(7.821.070.754)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(2.626.164.397)</b>	<b>(3.258.779.481)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.593.109.123</b>	<b>5.817.988.398</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>142.768.034</b>	
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.735.877.157</b>	<b>5.817.988.398</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh</b>	<b>4.564.023.253</b>	<b>3.411.880.485</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>12.299.900.410</b>	<b>9.229.868.883</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.220.011.634</b>	<b>386.506.838</b>
Chi phí lãi vay phải trả	198.959.446	386.506.838
Chi phí sửa chữa TSCĐ thường xuyên	2.300.000.000	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	721.052.188	
<b>Cộng</b>	<b>3.220.011.634</b>	<b>386.506.838</b>

**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>15.943.936.987</b>	<b>20.625.446.464</b>
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	90.000.000	
Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon) - Lãi hợp tác kinh doanh	6.474.115.747	8.313.405.995

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - Lãi hợp tác kinh doanh	4.856.436.434	6.236.149.932
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - Lãi hợp tác kinh doanh	2.851.329.715	3.972.922.696
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - Lãi hợp tác kinh doanh	1.672.055.091	2.102.967.841
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>2.408.991.398</b>	<b>3.868.869.399</b>
Công ty Cổ phần MHC - Lãi hợp tác kinh doanh	1.967.723.367	3.555.106.308
Kinh phí công đoàn	21.427.100	1.955.100
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	54.698.231	43.007.991
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	351.260.000	268.800.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.882.700	
<b>Cộng</b>	<b><u>18.352.928.385</u></b>	<b><u>24.494.315.863</u></b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan về vốn hợp tác kinh doanh</b>	<b>80.604.520.000</b>	<b>80.604.520.000</b>
Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon)	32.915.900.000	32.915.900.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	24.688.620.000	24.688.620.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	14.500.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	8.500.000.000	8.500.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác về vốn hợp tác kinh doanh</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần MHC	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>90.604.520.000</u></b>	<b><u>90.604.520.000</u></b>

**18. Vay****18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.142.320.325</b>	<b>1.742.320.325</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	1.142.320.325	1.742.320.325
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>46.247.672.590</b>	<b>46.629.880.069</b>
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	12.422.187.440	12.510.540.270
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25.285.602.000	25.506.264.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7.056.315.930	7.117.894.879
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	1.483.567.220	1.495.180.920
<b>Cộng</b>	<b><u>47.389.992.915</u></b>	<b><u>48.372.200.394</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 05/1/2008 của Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển từ		Giảm khác do CLTG	Số cuối kỳ
		vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ		
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>					
	1.742.320.325		(600.000.000)	-	1.142.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải	1.742.320.325		(600.000.000)		1.142.320.325
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	46.629.880.069	23.319.955.015	(23.386.296.977)	(315.865.517)	46.247.672.590
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	12.510.540.270	6.206.107.440	(6.205.538.180)	(88.922.090)	12.422.187.440
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25.506.264.000	12.843.906.000	(12.894.201.000)	(170.367.000)	25.285.602.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7.117.894.879	3.528.157.965	(3.542.368.492)	(47.368.422)	7.056.315.930
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	1.495.180.920	741.783.610	(744.189.305)	(9.208.005)	1.483.567.220
<b>Cộng</b>	<b>48.372.200.394</b>	<b>23.319.955.015</b>	<b>(23.986.296.977)</b>	<b>(315.865.517)</b>	<b>47.389.992.915</b>

**18b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</b>		
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>117.845.250.899</b>	<b>142.329.119.846</b>
Vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	24.844.531.360	31.258.939.150
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	70.167.188.030	83.735.513.960
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	17.640.789.156	21.353.683.961
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	5.192.742.353	5.980.982.775
<b>Cộng</b>	<b>117.845.250.899</b>	<b>142.329.119.846</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 251.2010.HĐTD ngày 20/05/2010, số tiền vay 6.000.000 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD1/BVB-TTKD ngày 20/3/2014; số tiền 2.500.000 USD; mục đích bổ sung vốn mua tàu Container; thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng; lãi suất 4,5%/năm tại thời điểm giải ngân. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần, các kỳ sau điều chỉnh bằng lãi suất huy động USD 12 tháng trả sau do Bảo Việt Bank công bố cộng biên độ 3,25%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014, số tiền vay: 2.000.000 USD, mục đích vay để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn: 6 tháng, lãi suất tính theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại lãi trả sau + lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn USD tại thời điểm thay đổi lãi suất theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng, theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014, số tiền vay: 442.000 USD, mục đích thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex, thời gian ân hạn: 6 tháng, thời gian trả nợ gốc: 54 tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng, Lãi suất cho vay là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại trả lãi sau+ lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần, khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Hải Phòng, theo hợp đồng tín dụng số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015, số tiền vay: 3.000.000 USD, mục đích vay để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) để thực hiện Dự án do bên vay làm chủ đầu tư, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ là 57 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất được xác định theo công thức: Năm đầu tiên áp dụng lãi suất cố định là 3,8%/năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên, những năm tiếp theo áp dụng lãi suất bằng lãi suất kỳ hạn Libor kỳ hạn 6 tháng + 3,5%/năm, sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần và áp dụng cho toàn bộ số dư nợ gốc thực tế của Hợp đồng tín dụng. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014, số tiền vay là 1.500.000 USD, mục đích mua con tàu HAI AN SONG, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với USD của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ được quy định bởi TPBank tại từng thời kỳ theo đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAI AN SONG.

- (iv) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25/10/2015, số tiền vay là 309.400 EURO, mục đích vay để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

tiên, lãi suất vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị gồm: 01 máy container trục xoay model: TEREX TFC45R, xuất xứ Pháp Series number: 175467, Sản xuất : 2009, nặng 45.000 kg và 01 máy container trục xoay model: DRF420 - 60S, xuất xứ Pháp Series number: A11300405, Sản xuất : 2010, nặng 42.000 kg.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính	37.266.718.800	12.422.187.440	24.844.531.360	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	95.452.790.030	25.285.602.000	70.167.188.030	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	24.697.105.086	7.056.315.930	17.640.789.156	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	6.676.309.573	1.483.567.220	5.192.742.353	
<b>Cộng</b>	<b>164.092.923.489</b>	<b>46.247.672.590</b>	<b>117.845.250.899</b>	

**Số đầu năm**

Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính	43.769.479.420	12.510.540.270	31.258.939.150	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	109.241.777.960	25.506.264.000	83.735.513.960	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	28.471.578.840	7.117.894.879	21.353.683.961	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	7.476.163.695	1.495.180.920	5.980.982.775	
<b>Cộng</b>	<b>188.958.999.915</b>	<b>46.629.880.069</b>	<b>142.329.119.846</b>	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Giảm khác do CLTG</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính	31.258.939.150	(6.206.107.440)	(208.300.350)	24.844.531.360
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	83.735.513.960	(12.843.906.000)	(724.419.930)	70.167.188.030
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	21.353.683.961	(3.528.157.965)	(184.736.840)	17.640.789.156
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	5.980.982.775	(741.783.610)	(46.456.812)	5.192.742.353
<b>Cộng</b>	<b>142.329.119.846</b>	<b>(23.319.955.015)</b>	<b>(1.163.913.932)</b>	<b>117.845.250.899</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.674.613.213	6.534.000.000	(1.745.626.000)	10.462.987.213
Quỹ Hội đồng quản trị	5.447.344.434	4.901.000.000	(2.665.000.000)	7.683.344.434
<b>Cộng</b>	<b>11.121.957.647</b>	<b>11.435.000.000</b>	<b>(4.410.626.000)</b>	<b>18.146.331.647</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	45.931.070.809	91.202.175.376	425.312.917.107
Lợi nhuận trong kỳ trước					70.030.965.091	70.030.965.091
Trích lập các quỹ				36.791.000.000	(45.375.000.000)	(8.584.000.000)
Chia lợi nhuận hoạt động BCC trong kỳ					(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Chia cổ tức					(22.939.129.000)	(22.939.129.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>231.962.320.000</b>	<b>58.788.380.922</b>	<b>(2.571.030.000)</b>	<b>82.722.070.809</b>	<b>89.169.011.467</b>	<b>460.070.753.198</b>
Số dư đầu năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	82.722.070.809	136.722.427.202	507.624.168.933
Lợi nhuận trong kỳ này					70.826.831.196	70.826.831.196
Trích lập các quỹ				49.008.000.000	(60.443.000.000)	(11.435.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận					(22.939.129.000)	(22.939.129.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>231.962.320.000</b>	<b>58.788.380.922</b>	<b>(2.571.030.000)</b>	<b>131.730.070.809</b>	<b>124.167.129.398</b>	<b>544.076.871.129</b>

#### 20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu phổ thông	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu ưu đãi	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	257.103	257.103
- Cổ phiếu ưu đãi	257.103	257.103
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	22.939.129	22.939.129
- Cổ phiếu ưu đãi	22.939.129	22.939.129

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2105 số 0404-2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Quỹ đầu tư phát triển	: 49.008.000.000
• Quỹ HĐQT	: 4.901.000.000
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.534.000.000

Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 0404-2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Công ty cũng đã phê duyệt tiếp tục chia cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với mức 1.000 VND/cổ phiếu.

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	597.636,77	798.560,97
Euro (EUR)	40,54	46,02

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động cảng	92.001.440.511	106.765.644.916
Doanh thu hoạt động tàu	102.586.528.445	82.424.114.998
<b>Cộng</b>	<b><u>194.587.968.956</u></b>	<b><u>189.189.759.914</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	71.818.182	4.671.818.181
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	1.803.818.170	71.636.365
<b>Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon)</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	4.015.272.722	6.198.454.548

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Chi nhánh Công ty Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Chi nhánh Công ty Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon)</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	346.768.182	34.818.182
<b>Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải</b>		
Doanh thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác		1.681.818.182
<b>Công ty Cổ Phần Hải Minh</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	2.009.545.457	3.941.454.545
<b>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	7.993.244.404	7.114.389.219
<b>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	117.532.642	269.245.403
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	123.471.000	2.047.616.392
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	430.090.915	226.873.863
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	2.144.855.232	17.546.592.212
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hoạt động cảng	34.539.578.631	33.423.451.796
Giá vốn của hoạt động tàu	77.844.971.649	69.103.847.715
<b>Cộng</b>	<b>112.384.550.280</b>	<b>102.527.299.511</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.304.334.700	1.558.991.171
Lãi tiền cho vay	401.226.003	537.334.274
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.955.650.163	2.460.014.848
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	311.775.474	575.951.941
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	950.864.876	
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		2.221.264.000
<b>Cộng</b>	<b>6.923.851.216</b>	<b>7.353.556.234</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.904.323.735	2.837.221.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	317.716.028	559.532.760
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	105.989.986	2.112.803.156
<b>Cộng</b>	<b>2.328.029.749</b>	<b>5.509.557.862</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.618.084.782	5.694.248.021
Chi phí vật liệu quản lý	86.332.220	51.364.539
Chi phí đồ dùng văn phòng	186.414.518	178.643.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	463.419.444	232.191.318
Thuế, phí và lệ phí	12.949.000	7.438.086
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi		488.716.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.601.894	647.723.665
Các chi phí khác	3.341.728.781	1.939.258.806
<b>Cộng</b>	<b>8.208.530.639</b>	<b>9.239.583.662</b>

### 6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường		70.187.965
Phế liệu thu hồi		16.654.091
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.178.441	
Thu nhập khác		3.145.736
<b>Cộng</b>	<b>9.178.441</b>	<b>89.987.792</b>

### 7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		3.506.062.916
Thuế bị phạt, bị truy thu	36.454.303	
Chi phí khác	725.289	1.846.500
<b>Cộng</b>	<b>37.179.592</b>	<b>3.507.909.416</b>

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	270.000.000	306.000.000

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.505.192.308	1.989.667.746
Phụ cấp	108.000.000	162.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.613.192.308</u></b>	<b><u>2.151.667.746</u></b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải biển Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon)	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs</b>		
Trả cổ tức	1.031.250.000	1.031.250.000
<b>Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon)</b>		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		1.500.000.000
Trả cổ tức	5.491.250.000	5.656.250.000
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác tàu	22.468.184	4.695.453
<b>Chi nhánh Công ty Công ty Cổ phần Transimex (trước đây là Chi nhánh Công ty Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon)</b>		
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác tàu		329.500.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</b>		
Cho vay		5.000.000.000
Thu tiền cho vay		5.000.000.000
Trả cổ tức	2.030.000.000	2.030.000.000
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác tàu	560.540.000	453.890.000
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác cảng	522.273.893	294.319.717
<b>Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải</b>		
Trả gốc vay		300.000.000
Trả cổ tức	1.460.401.000	1.460.401.000
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác tàu	4.872.000	96.466.705
<b>Công ty Cổ Phần Hải Minh</b>		
Trả cổ tức	550.000.000	550.000.000
<b>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</b>		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		750.000.000
Mua nguyên vật liệu		2.316.511.890
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác tàu	10.624.013.711	15.345.913.648
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác cảng		1.058.182
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An</b>		
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác tàu	773.922.727	654.050.000
Mua dịch vụ về hoạt động khai thác cảng	22.552.000	
Bán xe nâng	31.818.182	

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</b>		
Trả cổ tức	200.220.000	200.220.000
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		1.500.000.000
<b>Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương</b>		
Trả cổ tức	866.880.000	866.880.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.17, V.18.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	92.001.440.511	102.586.528.445	194.587.968.956
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>92.001.440.511</b>	<b>102.586.528.445</b>	<b>194.587.968.956</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	57.461.861.880	24.741.556.796	82.203.418.676
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8.208.530.639)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			73.994.888.037
Doanh thu hoạt động tài chính			6.923.851.216
Chi phí tài chính			(2.328.029.749)
Thu nhập khác			9.178.441
Chi phí khác			(37.179.592)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.735.877.157)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>70.826.831.196</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>5.852.571.787</b>	<b>10.153.856.822</b>	<b>16.006.428.609</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>22.242.886.583</b>	<b>19.478.413.442</b>	<b>41.721.300.025</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>			
<b>Kỳ trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	106.765.644.916	82.424.114.998	189.189.759.914
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			<b>189.189.759.914</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	73.342.193.120	13.320.267.283	86.662.460.403
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.239.583.662)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			77.422.876.741
Doanh thu hoạt động tài chính			7.353.556.234
Chi phí tài chính			(5.509.557.862)
Thu nhập khác			89.987.792
Chi phí khác			(3.507.909.416)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.817.988.398)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>70.030.965.091</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>4.513.745.935</b>	<b>6.934.298.199</b>	<b>11.448.044.134</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>30.625.462.906</b>	<b>985.016.808</b>	<b>31.610.479.714</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:</b>			
	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	341.579.600.484	336.931.276.054	678.510.876.538
Tài sản phân bổ cho bộ phận			217.159.543.378
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<b>895.670.419.916</b>
<b>Tổng tài sản</b>			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	48.062.542.414	271.626.328.882	319.688.871.296
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			31.904.677.491
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<b>351.593.548.787</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Cộng
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>355.313.795.569</u>	<u>331.769.421.139</u>	687.083.216.708
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>191.227.635.967</u>
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>878.310.852.675</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>55.651.790.984</u>	<u>284.817.743.226</u>	340.469.534.210
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>30.217.149.532</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>370.686.683.742</u></b>

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

##### *Các khoản cho vay*

Công ty cho công ty con và bên liên quan vay tiền. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.531.855.047				169.531.855.047
Phải thu khách hàng	75.757.538.487			164.833.612	75.922.372.099
Các khoản phải thu khác	3.690.437.621				3.690.437.621
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866.500				866.500
<b>Cộng</b>	<b>248.980.697.655</b>			<b>164.833.612</b>	<b>249.145.531.267</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.754.819.697				149.754.819.697
Phải thu khách hàng	62.163.082.486			164.833.612	62.327.916.098
Các khoản cho vay	2.000.000.000				2.000.000.000
Các khoản phải thu khác	3.278.174.844				3.278.174.844
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866.500				866.500
<b>Cộng</b>	<b>217.196.943.527</b>	-	-	<b>164.833.612</b>	<b>217.361.777.139</b>

**3b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán	42.135.070.606			42.135.070.606
Vay và nợ	47.389.992.915	117.845.250.899		165.235.243.814
Chi phí phải trả	3.220.011.634			3.220.011.634
Các khoản phải trả khác	17.925.543.054	90.604.520.000		108.530.063.054
<b>Cộng</b>	<b>110.670.618.209</b>	<b>208.449.770.899</b>		<b>319.120.389.108</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	33.899.264.669			33.899.264.669
Vay và nợ	48.372.200.394	142.329.119.846		190.701.320.240
Chi phí phải trả	386.506.838			386.506.838
Các khoản phải trả khác	24.180.552.772	90.604.520.000		114.785.072.772
<b>Cộng</b>	<b>106.838.524.673</b>	<b>232.933.639.846</b>		<b>339.772.164.519</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty mua tài sản, nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	EUR	JPY	USD	EUR	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	597.636,77	40,54		798.560,97	46,02	
Phải thu khách hàng	829.007,62			1.452.394,60		
Vay và nợ	(7.342.355,65)			(8.386.009,39)		
Phải trả người bán	(615.914,46)	(42.392,85)	656.380,00	(465.408,57)		(4.277.654,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	<u>(6.531.625,72)</u>	<u>(42.352,31)</u>	<u>656.380,00</u>	<u>(6.600.462,39)</u>	<u>46,02</u>	<u>(4.277.654,00)</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, USD, JPY đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.036.792.847	597.637	115.595.835.616	798.560,97
Vay và nợ		(7.342.355,65)		(8.386.009,39)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>142.036.792.847</b>	<b>(6.744.718,88)</b>	<b>115.595.835.616</b>	<b>(7.587.448,42)</b>

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

### 3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.531.855.047		149.754.819.697	
Phải thu khách hàng	75.922.372.099	164.833.612	62.327.916.098	164.833.612
Các khoản cho vay			2.000.000.000	
Các khoản phải thu khác	3.690.437.621		3.278.174.844	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	866.500		866.500	
<b>Cộng</b>	<b>249.145.531.267</b>	<b>164.833.612</b>	<b>217.361.777.139</b>	<b>164.833.612</b>

##### Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	42.135.070.606	33.899.264.669
Vay và nợ	165.235.243.814	190.701.320.240
Chi phí phải trả	3.220.011.634	386.506.838
Các khoản phải trả khác	108.530.063.054	114.785.072.772
<b>Cộng</b>	<b>319.120.389.108</b>	<b>339.772.164.519</b>

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường